

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐẦU TƯ CÔNG Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

THS NGUYỄN QUANG HÀ*

Đầu tư là giải pháp duy nhất thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế - xã hội bởi nó tạo ra giá trị gia tăng trong tương lai. Trong bối cảnh Việt Nam, khi mà khu vực tư còn phân tán, nhỏ bé, vốn và tiềm lực công nghệ chưa có khả năng đầu tư lớn vào các công trình thuộc kết cấu hạ tầng kinh tế như giao thông, năng lượng, viễn thông và các ngành sinh học, hóa dầu... thì đầu tư từ phía Chính phủ vẫn giữ vai trò động lực.

Có thể nói, đầu tư công là một thành phần quan trọng của tổng cầu. Đầu tư công hiện nay bao gồm: đầu tư bằng tiền ngân sách nhà nước (NSNN), tín dụng nhà nước và đầu tư cho doanh nghiệp nhà nước (DNNN). Vốn nhà nước chủ yếu được rót cho các tổng công ty và tập đoàn kinh tế nhà nước lớn như Tập đoàn Bưu chính - Viễn thông (VNPT), Điện lực (EVN), Dệt may (Vinatex), Tập đoàn Than - Khoáng sản (Vinacomin), Dầu khí (Petro Vietnam), Tài chính - Bảo hiểm (Bảo Việt), Cao su (VRG) và Công nghiệp tàu thủy (Vinashin)...

Tuy nhiên, trong tình hình hiện nay, khi lạm phát đang tác động xấu đến chi phí đầu vào của sản xuất, đến thu nhập thực tế và đời sống của người tiêu dùng, làm suy giảm chất lượng cuộc sống, nhất là những người làm công ăn lương và có thu nhập thấp thì Chính phủ đã đưa ra một số giải pháp tài chính - tiền tệ nhằm ngăn chặn lạm phát; trong đó, việc tiết kiệm chi tiêu, nâng cao hiệu quả đầu tư công được coi là nhiệm vụ trọng tâm. Trong mục tiêu chống lạm phát của Chính phủ đã nêu rõ: “Cắt

giảm đầu tư công và chi phí thường xuyên của các cơ quan sử dụng ngân sách, kiểm soát chặt chẽ đầu tư của các doanh nghiệp nhà nước, cố gắng giảm tỉ lệ thâm hụt ngân sách. Đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước và đầu tư của doanh nghiệp nhà nước hiện chiếm khoảng 45% tổng đầu tư xã hội. Cắt giảm nguồn đầu tư này sẽ làm giảm áp lực về cầu, giảm nhập siêu, góp phần nâng cao hiệu quả của nền kinh tế... Từ đó, phân bổ lại và cân đối nguồn vốn, rà soát chặt chẽ các hạng mục đầu tư của doanh nghiệp nhà nước, kiên quyết cắt bỏ các công trình đầu tư kém hiệu quả...”. Trên cơ sở mục tiêu này, Chính phủ đã kiểm tra rà soát việc đầu tư công một cách chặt chẽ để nâng cao hiệu quả đầu tư công, coi đây là giải pháp đồng bộ kết hợp giữa chính sách tiền tệ với chính sách tài khóa.

1. Vài nét về vấn đề đầu tư công tại Việt Nam.

Những năm qua, tổng vốn đầu tư của toàn xã hội liên tục tăng mạnh: năm 2005 là 343.135 tỉ đồng, năm 2006 là 398.900 tỉ đồng, năm 2007 là 461.900 tỉ đồng; trong đó, khu vực nhà nước chiếm tỉ lệ tương ứng theo các năm là 47,1%; 46,4% và 43,3% tổng vốn đầu tư. Khu vực ngoài quốc doanh chiếm 38%; 37,7% và 40,7%. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 14,9%; 15,9% và 16%.

Các số liệu trên cho thấy, Nhà nước đang là nhà đầu tư áp đảo, dẫn dắt thị trường cho nên nhất cử nhất động của Nhà nước đều tác động tới diễn biến của thị

* Bộ Tài chính.

trường. Tuy nhiên, trong thời gian qua, do cơ chế thị trường, các tập đoàn kinh tế nhà nước đều nhanh chóng “nhảy vào” các ngành nghề không phải chuyên môn chính của họ như chứng khoán, ngân hàng, bất động sản... Kết quả, dẫn đến hàng ngàn tỉ đồng đầu tư công không có hiệu quả và lãng phí, gây ra áp lực lạm phát. Theo điều tra 200 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam do Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP) thực hiện, đã khẳng định nhiều công ty trong “Top 200” của Việt Nam (trong đó, có các tập đoàn) đang đầu cơ đất đai và chứng khoán mà thiếu tập trung vào hoạt động kinh doanh cốt lõi của mình. Khi đầu tư phân tán như vậy đã làm giảm năng lực cạnh tranh của các tập đoàn và để lại những hậu quả khó giải quyết. Mặt khác, hiệu quả đầu tư được thể hiện ở hai chỉ số tổng hợp quan trọng, đó là: một đồng vốn đầu tư tạo ra bao nhiêu đồng GDP (GDP/vốn đầu tư) và để tăng thêm một đồng GDP phải cần bao nhiêu đồng vốn (vốn đầu tư/GDP). Theo thống kê, nếu năm 2003, toàn bộ nền kinh tế chỉ cần 3,73 đồng để tạo ra 1 đồng tăng trưởng thì các năm sau cứ liên tục tăng dần: năm 2004: 3,5 đồng; năm 2005: 3,8 đồng; năm 2006: 4,3 đồng và đến năm 2007, 4,47 đồng mới tạo ra 1 đồng tăng trưởng. Rõ ràng, hiệu quả của đầu tư không còn cao như các năm trước, đặc biệt là hiệu quả của đầu tư công (ví dụ, năm 2005, tỉ lệ vốn/lao động của các DNNN cao gấp 3 lần so với các doanh nghiệp dân doanh nhưng doanh số trung bình do một người lao động tạo ra ở DNNN lại chỉ cao hơn 44% so với khu vực dân doanh. Tốc độ tăng trưởng của khu vực nhà nước cũng kém nhất trong so sánh với các khu vực khác).

Ngoài ra, khi xét đến hệ số đầu tư tăng trưởng (tức tỉ lệ vốn đầu tư đã bỏ ra để tạo ra một đơn vị gia tăng GDP - gọi là hệ số ICOR) cho thấy, đầu tư công bỏ ra 8 đồng mới làm ra 1 đồng. Trong khi, khu vực dân doanh, chỉ cần 4 đồng, có thể làm ra 1 đồng. Khu vực nước ngoài, chỉ cần 2,7

đồng tạo ra 1 đồng.

Như vậy, một trong những vấn đề bức thiết nhất của đầu tư công trong thời gian qua là kém hiệu quả. Từ năm 2001- 2005, hệ số ICOR của nền kinh tế là khoảng gần 5 lần và năm 2008 tăng lên 6,7 lần. Hệ số ICOR của khu vực kinh tế nhà nước; trong đó có đầu tư công và của DNNN năm 2007 là 8,1 lần, cao hơn con số 5,17 lần của toàn bộ nền kinh tế và cao hơn con số 3,7 lần của khu vực kinh tế ngoài nhà nước.

Mặt khác, công tác đầu tư từ nguồn vốn NSNN còn yếu kém thể hiện trên các mặt: đầu tư dàn trải, thiếu tập trung; một số bộ, ngành, địa phương chưa chấp hành đúng quy định về quản lý đầu tư và xây dựng; tình trạng thất thoát, lãng phí còn lớn. Nguyên nhân cơ bản của tình trạng trên chủ yếu là do tinh thần trách nhiệm của các cấp, các ngành trong việc triển khai thực hiện các chỉ thị, nghị quyết, cơ chế, chính sách về quản lý đầu tư và xây dựng chưa cao. Sự buông lỏng quản lý, thiếu kỉ cương, kỉ luật trong lĩnh vực đầu tư đã dẫn đến những sai sót trong quản lý kế hoạch đầu tư và quá trình đầu tư xây dựng. Các khâu, từ xác định chủ trương, xây dựng dự án, thẩm định dự án, ra quyết định đầu tư, thiết kế kĩ thuật, lập tổng dự toán đến triển khai thực hiện, giám sát thi công, theo dõi cấp phát vốn, thanh quyết toán chưa chặt chẽ, tạo kẽ hở để một số cán bộ có chức, có quyền hoặc quản lý đầu tư và xây dựng mất phẩm chất đạo đức lợi dụng chiếm đoạt, tham nhũng, gây thất thoát. Những quyết định đầu tư sai chẳng những làm thất thoát, lãng phí vốn đầu tư mà còn gây khó khăn cho việc khắc phục hậu quả. Có trường hợp công trình xây dựng xong không sử dụng được, lãng phí gần như toàn bộ vốn đầu tư (một số cảng cá ở đồng bằng sông Cửu Long, Trung tâm Hội nghị tỉnh Bạc Liêu, Đề án 112 về tin học hóa quản lý hành chính nhà nước giai đoạn 2001-2005 quyết định sai chủ đầu tư) hoặc phải di chuyển đến địa điểm mới (Nhà máy đường Linh Cảm, Hà Tĩnh, Nhà máy đường Thừa

Thiên-Huế...). Mặt khác, có tình trạng bố trí đầu tư vượt quá khả năng cho phép, nhất là NSNN, phân bổ đầu tư cho cả những dự án chưa đủ thủ tục, những dự án chưa cần thiết, bất chấp hiệu quả... làm phát sinh nợ đọng trong đầu tư xây dựng rất lớn. Hàng năm, có hàng vạn công trình đầu tư nhỏ và vừa (nhóm B, C), nên mỗi công trình chỉ được phân bổ trên 1 tỉ đồng dẫn đến thời gian xây dựng kéo dài. Nợ đọng đầu tư xây dựng những năm qua thường mỗi năm khoảng 10.000 tỉ đồng.

Cơ chế, chính sách về quản lý đầu tư và xây dựng chưa đầy đủ, thiếu đồng bộ và thường xuyên thay đổi khiến cho các ngành, các cấp bị động, lúng túng trong quá trình xây dựng và điều hành kế hoạch đầu tư. Năng lực các tổ chức tư vấn lập dự án và thiết kế kỹ thuật còn thấp; năng lực quản lý của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án còn hạn chế, thiếu kinh nghiệm; công tác giám sát chưa chặt chẽ, chưa trung thực, việc kiểm tra và nghiệm thu còn dễ dãi làm ảnh hưởng đến chất lượng công trình.

Chất lượng công tác quy hoạch chưa cao, lập quy hoạch chỉ để đủ thủ tục xin đầu tư, quyết định kế hoạch đầu tư không được chuẩn bị trước, thiếu căn cứ khoa học, thiếu sự gắn kết giữa quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch đô thị diễn ra phổ biến. Quy hoạch được lập không căn cứ vào nhu cầu thị trường hoặc phải điều chỉnh nhiều lần, gây lãng phí thời gian và tiền của. Trong khi đó, Nhà nước lại thiếu chính sách, công cụ hữu hiệu, hợp lý để giám sát thực hiện quy hoạch, gây nên tình trạng đầu tư tự phát, làm ảnh hưởng xấu đến phát triển kinh tế và môi trường.

Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát về đầu tư và xây dựng chưa được triển khai đầy đủ ở tất cả các ngành, các cấp. Việc phân cấp quản lý đầu tư và xây dựng cho các bộ, ngành và địa phương đã được tiến hành rộng rãi, toàn diện và triệt để nhưng

thiếu các chế tài kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm. Các cơ quan quản lý nhà nước chưa tổ chức tốt công tác giám sát để kịp thời phát hiện và xử lý những sai phạm trong quản lý đầu tư và xây dựng.

Để giám sát và đánh giá hoạt động đầu tư trong nền kinh tế mà trước hết là các dự án trong chương trình đầu tư công cộng, các dự án tài trợ bằng NSNN, bằng vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, vốn tín dụng do Nhà nước bảo lãnh và vốn nhà nước tại các doanh nghiệp, ngay từ năm 2003, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành Thông tư số 03/2003/TT-BKH nhằm hướng dẫn công tác giám sát, đánh giá đầu tư. Theo đó, đánh giá đầu tư gồm các nội dung: đánh giá tổng thể về quản lý đầu tư; đánh giá thực hiện mục tiêu đầu tư (đánh giá tuân thủ quy hoạch và mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội); đánh giá mức độ hoàn thành; đánh giá hiệu quả đầu tư. Nhưng trên thực tế, quá trình thẩm định đầu tư công tại Việt Nam hiện còn nhiều hạn chế, đặc biệt là mang tính đơn điệu và thoát li thực tế trong quá trình tính toán dòng tiền vào và dòng tiền ra để đánh giá tính hiệu suất. Điều này thể hiện ở chỗ là không phản ánh được biến động về giá cả của những yếu tố đầu vào và đầu ra; không lượng hóa được độ trễ trong thực thi dự án và những thiệt hại từ độ trễ đó. Những thiệt hại bao gồm lãi vay và phần vốn NSNN bù đắp do trượt giá. Theo thống kê của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, đến năm 2008, có 552 dự án quá 4 năm (nhóm B) và quá 2 năm (nhóm C). Do đó, trong phương án của Bộ Kế hoạch và Đầu tư bố trí nguồn vốn cho đầu tư phát triển năm 2009 thì “nguồn ngân sách năm 2009 chỉ bố trí cho các công trình chuyển tiếp, các công trình phải điều chỉnh tổng mức đầu tư do tăng giá các yếu tố đầu vào”.

Việc thẩm định thiếu tầm nhìn bao quát, xuyên suốt chiều dài của dự án từ khâu xây dựng cho đến khâu vận hành và thanh lý. Trong lĩnh vực xây dựng cơ bản hiện nay, việc các công trình hỏng hóc và xuống cấp

quá nhanh không chỉ là dấu hiệu cho thấy chất lượng đầu tư kém mà còn minh chứng sự thiếu tầm nhìn theo chiều dài dự án và mất cân đối trong bố trí nguồn vốn cho duy tu bảo dưỡng và chi đầu tư xây dựng. Chưa phản ánh đầy đủ tác động kinh tế, xã hội và môi trường của dự án. Những tác động sau đây không được đánh giá đúng mức: lượng khí thải vào môi trường, mức độ ô nhiễm đất và nguồn nước, tình trạng tắc nghẽn giao thông nghiêm trọng tại các đô thị trung tâm, bình đẳng giới, khoảng cách giàu nghèo...

Suất chiết khấu trong các dự án công hoàn toàn thiếu cơ sở lý luận và thực tiễn, tức là được xây dựng khá tùy tiện. Do đó, sử dụng một suất chiết khấu như vậy để tính hiện giá thuần (NPV) tài chính thì dù NPV có dương cũng không phản ánh trung thực chi phí cơ hội kinh tế của xã hội.

Trong quá trình xây dựng, gần như không có đánh giá sau dự án (đánh giá sau dự án là xem xét tác động lâu dài của dự án đối với đời sống kinh tế - xã hội của đất nước so với tình huống không có dự án, nhằm rút ra bài học kinh nghiệm cho những dự án tương tự trong tương lai); chưa có một đội ngũ chuyên gia chuyên đánh giá những dự án công. Thực tế ở các địa phương cho thấy gần như chưa có một nhóm công chức được đào tạo bài bản về công tác đánh giá dự án công biên chế trong HĐND và UBND cấp tỉnh để tham mưu trực tiếp cho những cơ quan quyền lực...

2. Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư công.

Một là, xây dựng một khuôn khổ tài chính trung hạn với sự phối hợp của Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư để gắn kết mục tiêu phát triển quốc gia với quá trình lập kế hoạch ngân sách. Thống nhất lập kế hoạch giữa chi thường xuyên và chi cho đầu tư xây dựng cơ bản, tăng cường năng lực xây dựng các khuôn khổ chi tiêu trung hạn tại các cấp. Chuẩn bị các khuôn khổ

chi tiêu trung hạn trong một số ngành và các tỉnh được lựa chọn để thống nhất kế hoạch chi tiêu tại các cấp, ngành và tỉnh với chiến lược chính sách quốc gia. Đặc biệt chú trọng đến chính sách đầu tư công. Đến năm 2020, không dàn trải đầu tư mà ưu tiên chiến lược cho cơ sở hạ tầng, cụ thể là cho những lĩnh vực như giao thông, trước hết là giao thông tại các đô thị trung tâm của cả nước là TP.Hồ Chí Minh và Thủ đô Hà Nội, tiếp theo là Cần Thơ, Đà Nẵng và Hải Phòng; hệ thống cảng (xây dựng cảng biển không nên nhiều mà cần quy mô lớn phân bố đều trên phạm vi cả nước)...

Phải tiến hành lập báo cáo thẩm định đối với dự án. Chất lượng thẩm định dự án đòi hỏi một chuyên môn cao, một tầm nhìn xa và một thái độ trung thực của nhà thẩm định, nhưng trước hết cần có một quy định pháp lý minh bạch về thẩm định. Thống nhất định nghĩa các thuật ngữ liên quan đến đầu tư, chuẩn hóa cán bộ xây dựng dự án và thẩm định dự án đầu tư. Kiên quyết loại bỏ những dự án đầu tư, những công trình không phù hợp quy hoạch và chương trình phát triển, hoặc không khảo sát tốt thị trường.

Hai là, xây dựng và thực hiện một hệ thống thông tin phục vụ công tác chuẩn bị lập dự án ngân sách, có quy trình quản lý được cập nhật kịp thời và chính xác, cung cấp kịp thời các dữ liệu về tình hình thu chi ngân sách, để phục vụ cho các cấp chính quyền, các nhà hoạch định ở từng cấp, ngành; tăng cường phân cấp và tự chịu trách nhiệm cho các ngành, địa phương. Xây dựng hệ thống theo dõi quản lý thống nhất các khoản nợ trong và ngoài nước. Cần thành lập hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về các dự án đầu tư từ nguồn vốn NSNN. Tổng cục Thống kê cần có thêm các cuộc điều tra, khảo sát về các dự án đầu tư từ nguồn vốn NSNN, áp dụng chế độ kế toán thống nhất, chế độ báo cáo định kỳ để sử dụng nguồn vốn tập trung, chống dàn trải, thất thoát, thực hiện tiết kiệm, chống tiêu cực và lãng phí. Thực hiện chế độ trách

nhệm đối với thủ trưởng đơn vị sử dụng NSNN trong quản lý điều hành ngân sách khi để xảy ra thất thoát, lãng phí và chi tiêu không đúng mục đích. Phải kiên quyết đình hoãn những dự án không hiệu quả, không bố trí vốn những dự án không đủ thủ tục đầu tư, không phê duyệt dự án nếu không xác định được nguồn vốn thực hiện cho việc đầu tư mới.

Ba là, tăng cường công tác quản lý, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán các dự án đầu tư công. Kiểm toán Nhà nước và các cơ quan thanh tra, kiểm tra tài chính cần tăng cường công tác chuyên môn nghiệp vụ để thẩm định, đối chiếu, so sánh, phát hiện và ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật. Kiên quyết xuất toán các khoản chi sai mục đích, không đúng khối lượng, đơn giá, không đúng tiêu chuẩn định mức, vượt dự toán lớn. Cần thực hiện chế độ trách nhiệm vật chất, kể cả trách nhiệm đối với nhà thầu, tư vấn giám sát trong việc xác nhận thanh toán khối lượng thiếu trung thực, không đúng quy định. Việc thanh toán vốn đầu tư phải được tiến hành theo đúng quy trình và phương thức thanh toán theo tiến độ thực hiện.

Tập trung áp dụng cơ chế, giải pháp mạnh trong quản lý dự án, quản lý công trình đầu tư xây dựng cơ bản (XDCB) bằng cách phân định rõ quyền hạn và trách nhiệm của các cá nhân, tổ chức (cụ thể là chủ đầu tư, chủ dự án, tư vấn, thiết kế, nhà thầu, giám định...) trong từng khâu. Nâng cao chất lượng, tầm nhìn dài hạn, tính đồng bộ, tính liên kết, tính pháp lý trong công tác quy hoạch, kế hoạch đầu tư XDCB. Chính phủ nên sớm ban hành Nghị định hoặc chỉ đạo soạn thảo Pháp lệnh về Quy hoạch đầu tư XDCB; tăng cường phân cấp, phân quyền, phân công nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng, gắn quyền hạn với trách nhiệm trong công tác quy hoạch giữa các bộ, ngành, địa phương.

Có chế tài đủ mạnh để nâng cao trách nhiệm của người quyết định đầu tư. Người

quyết định đầu tư sai, gây lãng phí, thất thoát phải bị xử phạt hành chính, cách chức hoặc truy cứu trách nhiệm. Chủ đầu tư phải chịu trách nhiệm toàn diện về hiệu quả, chất lượng của dự án, chấm dứt tình trạng giao cho người không đủ điều kiện năng lực và chuyên môn nghiệp vụ thực hiện quản lý dự án. Sắp xếp Ban quản lý dự án theo đúng các tiêu chí và tiêu chuẩn phù hợp. Chủ đầu tư phải có trách nhiệm kiểm tra, giám sát thường xuyên Ban quản lý dự án, phát hiện kịp thời những vấn đề phát sinh và đề xuất các biện pháp xử lý kịp thời.

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật; đổi mới cơ chế, chính sách đầu tư. Trước mắt, tập trung triển khai một cách có hiệu quả các luật: *Luật Đầu tư, Luật Đấu thầu, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Kinh doanh bất động sản...* Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ hơn nữa cơ chế phân bổ vốn đầu tư, vốn cho các chương trình mục tiêu quốc gia trên cơ sở tôn trọng các nguyên tắc đầu tư, tiêu chí, tiêu chuẩn, định mức theo hướng công khai, minh bạch. Tiếp tục cải cách hành chính trong đầu tư xây dựng; trong đó, tập trung vào cải cách thủ tục hành chính, thủ tục đầu tư, thủ tục xem xét và phê duyệt dự án, phân bổ và bố trí vốn, thủ tục giải ngân và thanh toán...

Nâng cao vai trò của xã hội và nhân dân trong công tác giám sát các dự án đầu tư từ NSNN.

Bốn là, nghiên cứu áp dụng hình thức tín dụng đầu tư tương tự như dự án BOT đối với một số loại dự án công trình đầu tư công thuộc lĩnh vực xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội, công trình công cộng. Theo hình thức này, chủ đầu tư phải lập dự án, thậm chí phải đấu thầu để người có thẩm quyền đầu tư quyết định; chủ đầu tư là người đứng ra vay vốn đầu tư, nên thực sự là người chủ và chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng đồng vốn đầu tư và theo quy định của pháp luật, theo hợp đồng kinh tế.

Cần coi đất đai là nguồn vốn quan trọng trong cơ cấu đầu tư của Nhà nước. Để sử dụng hợp lý, hiệu quả nguồn vốn này và đảm bảo sự phát triển bền vững, Nhà nước cần coi trọng vai trò của công cụ quy hoạch trong quản lý đất đai, đầu tư cho công tác lập quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch sử dụng đất; đồng thời, nâng cao chất lượng của việc lập, thẩm định và xét duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Cần hoàn thiện cơ chế sử dụng quỹ đất để tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng, đặc biệt quan tâm hoàn thiện cơ chế giao đất để thực hiện các dự án. Đây là cách thức chuyển quỹ đất đai thành vốn để đầu tư cơ sở hạ tầng theo phương thức: Nhà nước ứng vốn để xây dựng công trình hạ tầng, sau đó giao đất có thu tiền sử dụng đất thông qua đấu giá. Phương thức này sẽ phát huy tối đa nguồn lực đất đai và giá trị tăng lên của đất do quy hoạch và hạ tầng đều tập trung vào ngân sách nhà nước.

Năm là, tranh thủ sự quan tâm của các nhà tài trợ trong việc nâng cao năng lực đánh giá, thẩm định hiệu quả các dự án đầu tư của Nhà nước. Giảm mạnh hơn nữa số

lượng DNNN, tăng cường kiểm soát tài chính các tập đoàn kinh tế vì dư nợ của các đơn vị này rất lớn và hiệu quả kinh doanh chưa tương xứng với quy mô vốn. Đồng thời, hỗ trợ ra đời các tổ chức phi chính phủ bằng những đơn đặt hàng từ Chính phủ “mua” phần biện của quân chúng. Những phần biện của hiệp hội phi chính phủ sẽ làm cho các chương trình đầu tư công nói riêng và chi tiêu công nói chung trở nên minh bạch và sát hợp thực tiễn hơn. Khuyến khích khu vực tư phát triển. Nhà nước không nên chỉ dành những cơ hội kinh doanh tốt cho các DNNN mà cần chia đều cho doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế. Tìm cách thu hút các nhà đầu tư, nhất là những nhà đầu tư có tiềm lực và kinh nghiệm của nước ngoài thông qua ban hành chế độ chính sách liên quan đến kinh phí thuê đất, thuế, phối hợp di dời, vốn tín dụng ưu đãi... Hướng các nhà đầu tư tư nhân vào các công trình quan trọng thuộc lĩnh vực kết cấu hạ tầng với tư cách nhà thầu phụ hoặc nhà cung cấp các sản phẩm phụ trợ □

* * * * *

CÁC VƯỚNG MẮC TRONG QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI...

(Tiếp theo trang 21)

Bốn là, công khai, dân chủ trong quá trình chuẩn bị và triển khai thực hiện là yếu tố quyết định dẫn đến sự thành công của cơ chế tự chủ.

Năm là, xây dựng hệ thống tiêu chí đánh giá từng cá nhân là một điều kiện quan trọng để tiếp tục tạo ra động lực của cơ chế tự chủ. Nếu sự cố gắng của mỗi cơ quan và cá nhân không được đánh giá công bằng thì sẽ dần dần bào mòn động lực của họ. Hệ thống đánh giá hiện tại theo hướng cào bằng kết quả hoạt động của mỗi cá nhân sẽ không khuyến khích người làm tốt

cũng như không nghiêm khắc xử lý những người làm việc tồi. Điều này đối lập với mục đích cốt lõi của cải cách hành chính là hướng đến nền hành chính công quản lý theo kết quả hoặc theo đầu ra.

Việc đánh giá kết quả hoạt động trước hết đòi hỏi xác định rõ trách nhiệm của mỗi cơ quan như là cơ sở để đánh giá. Để bảo đảm tính khách quan, các cơ quan cấp trên nên tiến hành đánh giá kết quả hoạt động của cơ quan cấp dưới. Trong quá trình đó, có thể xem xét đến kết quả tự đánh giá của các cơ quan cấp dưới, song vẫn cần kiểm tra và xác nhận lại □